

PHỤ LỤC 2.

Nguyên tắc, điều kiện chứng nhận sản phẩm đối với dịch vụ chứng nhận của Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 6
(Ban hành kèm theo Quyết định số 67/QĐ-CCPT6 ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Giám đốc Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 6)

1. Phạm vi áp dụng

Quy định này được áp dụng cho dịch vụ chứng nhận sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật theo phương thức đánh giá 1, 3, 4, 5, hoặc 7 (nêu tại Thông tư 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ) đối với các sản phẩm nông lâm thủy sản.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng đối với Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 6 (sau đây gọi tắt là TTV6) và các tổ chức, cá nhân đăng ký chứng nhận sản phẩm tại TTV6 (sau đây gọi tắt là Khách hàng).

3. Điều kiện để được chứng nhận

Sản phẩm có đủ điều kiện để được chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật khi:

3.1. Chủ hàng (đối với sản phẩm nhập khẩu) hoặc Cơ sở sản xuất (đối với sản phẩm sản xuất trong nước) sản xuất, kinh doanh phù hợp theo quy định của pháp luật;

3.2. Sản phẩm được sản xuất hàng loạt hoặc theo quy mô công nghiệp thuộc các lĩnh vực mà nhà nước cho phép sản xuất hoặc nhập khẩu, đã được ghi nhãn hàng hoá theo quy định, đồng thời sản phẩm đó phải đáp ứng các yêu cầu trong tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế được sử dụng làm chuẩn mực để sản xuất, đánh giá;

3.3. Đối với sản phẩm sản xuất trong nước: Cơ sở sản xuất có hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với một trong các tiêu chuẩn: TCVN ISO 9001, TCVN- ISO 22000, HACCP hoặc có kế hoạch kiểm soát chất lượng theo TCVN ISO 10005;

3.4. Đối với sản phẩm nhập khẩu: Lô sản phẩm phải kèm bản sao hợp đồng mua bán, bản sao tờ khai hàng hoá nhập khẩu, bản sao Giấy chứng nhận xuất xứ và kết quả kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

4. Các bước tiến hành đánh giá, chứng nhận

TTV6 thực hiện đánh giá chứng nhận sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn theo trình tự các bước quy định tại tiêu chuẩn TCVN IEC/ISO 17065:2013, Thông tư 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4.1. Tiếp xúc ban đầu

4.1.1. Khách hàng tiếp xúc với TTV6 để được cung cấp các thông tin về điều kiện, chi phí, nội dung, thủ tục chứng nhận và các yêu cầu cần thiết khác để khách hàng nghiên cứu và thấu hiểu về dịch vụ chứng nhận sản phẩm của TTV6.

4.1.2. TTV6 sẽ giải thích để đảm bảo bất kỳ sự khác biệt nào trong cách hiểu giữa TTV6 và khách hàng đều được giải quyết trước khi khách hàng tiến hành đăng ký chứng nhận.

4.2. Đăng ký chứng nhận

4.2.1. Khách hàng gửi hồ sơ đăng ký đánh giá chứng nhận cho TTV6 bằng một trong các hình thức: gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện, fax hoặc e-mail (sau đó gửi bản chính trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) theo địa chỉ sau:

- Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 6
- Địa chỉ: 386C Cách mạng tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.
- Điện thoại: (02923) 3883648 – 3888732 Fax: (02923) 3884697
- Email: chebien.nafi6@mard.gov.vn.

4.2.2. Hồ sơ đăng ký chứng nhận lần đầu gồm:

a. Đối với sản phẩm sơ chế, chế biến đăng ký chứng nhận theo phương thức 3, 4 hoặc 5, hồ sơ đăng ký gồm:

- Giấy đăng ký chứng nhận sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn theo Biểu mẫu 03.14-ST/1.a;
- Mẫu nhãn hàng hóa của sản phẩm đăng ký chứng nhận;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đầu tư/ Giấy phép đầu tư;
- Quy trình sản xuất sản phẩm, quy trình kiểm soát chất lượng;
- Sơ đồ mặt bằng phân xưởng sản xuất;
- Giấy chứng nhận ISO 9001, ISO 22000 hoặc HACCP (nếu có) hoặc kế hoạch kiểm soát chất lượng.

b. Đối với lô sản phẩm sơ chế, chế biến đăng ký chứng nhận theo phương thức 1 hoặc 7, hồ sơ đăng ký gồm:

- Giấy đăng ký chứng nhận sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn theo Biểu mẫu 03.14-ST/1.b;
- Mẫu nhãn hàng hoá của sản phẩm đăng ký chứng nhận;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đầu tư/ Giấy phép đầu tư;
- Bản sao hợp đồng mua bán, bản sao tờ khai hàng hoá nhập khẩu, bản sao Giấy chứng nhận xuất xứ; kết quả kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu của cơ quan có thẩm quyền nếu có (chỉ áp dụng đối với sản phẩm nhập khẩu).

c. Đối với sản phẩm VietGAP, nông nghiệp hữu cơ, hồ sơ đăng ký gồm:

- Giấy đăng ký đánh giá chứng nhận theo Biểu mẫu 03.14-ST/1.c;
- Sơ đồ dải thửa và phân lô khu vực sản xuất, bố trí mặt bằng khu vực sản xuất, xử lý sau thu hoạch, sơ chế, bảo quản;

- Kết quả đánh giá nội bộ cho từng loại sản phẩm;
- Quy trình sản xuất phù hợp VietGAP, Nông nghiệp hữu cơ của loại sản phẩm đăng ký đánh giá chứng nhận;
- Kết quả phân tích mẫu (nếu có);
- Đối với khách hàng là cơ sở chăn nuôi, nuôi thủy sản phải có bản xác nhận đảm bảo vệ sinh môi trường do Cơ quan có thẩm quyền cấp.

Trong trường hợp khách hàng là cơ sở sản xuất gồm nhiều thành viên thì ngoài các hồ sơ nêu trên, khách hàng gửi thêm quy định nội bộ về cơ cấu tổ chức, phân công nhiệm vụ và Danh sách thành viên (họ tên, địa chỉ và diện tích sản xuất, mã số hộ).

4.2.3. Hồ sơ đăng ký chứng nhận lại, mở rộng, thu hẹp phạm vi chứng nhận:

a. Trong trường hợp khách hàng đăng ký đánh giá chứng nhận lại và không có sự thay đổi phạm vi chứng nhận so với chứng nhận lần đầu thì gửi giấy đăng ký chứng nhận và không cần gửi các tài liệu, hồ sơ kèm theo.

b. Trong trường hợp khách hàng đăng ký đánh giá chứng nhận lại và có sự thay đổi về điều kiện sản xuất, quy trình sản xuất, sản xuất sản phẩm mới, mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi chứng nhận thì hồ sơ đăng ký tương tự như đăng ký chứng nhận lần đầu.

4.2.4. Nếu khách hàng có nhiều địa điểm sản xuất và đăng ký đánh giá chứng nhận sản phẩm theo phương thức 3, 4 hoặc 5 thì có thể lựa chọn một trong hai hình thức chứng nhận sau:

a. Chứng nhận riêng cho sản phẩm được sản xuất tại từng địa điểm: mỗi địa điểm sản xuất có một hồ sơ đăng ký chứng nhận riêng.

b. Chứng nhận chung cho sản phẩm được sản xuất tại nhiều địa điểm: chỉ cần một bộ hồ sơ chung đó có nêu rõ các địa điểm sản xuất.

4.2.5. TTV6 tiến hành xem xét hồ sơ đăng ký chứng nhận và thông báo cho khách hàng bổ sung thông tin còn thiếu (nếu có) trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đăng ký của khách hàng. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, khách hàng cần bổ sung trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày. Nếu quá thời hạn đó, việc tiếp nhận sẽ được xem như thực hiện lại từ đầu.

4.2.6. Nếu xét thấy cần thiết, TTV6 tiến hành khảo sát thực tế tại địa điểm sản xuất của khách hàng nhằm tìm hiểu thực tế các hoạt động của khách hàng và thiết lập mối quan hệ hợp tác để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đánh giá, chứng nhận.

4.2.7. Sau khi xem xét hồ sơ và làm rõ các thông tin cần thiết, TTV6 thông báo chính thức cho khách hàng về việc chấp nhận hồ sơ, thống nhất phương thức đánh giá chứng nhận và tiến hành thương thảo hợp đồng chứng nhận nếu yêu cầu chứng nhận của khách hàng phù hợp với phạm vi hoạt động và năng lực đánh giá chứng nhận của TTV6.

4.3. Chuẩn bị đánh giá

4.3.1. TTV6 trao đổi thông tin với khách hàng để thiết lập chương trình đánh giá phù hợp, thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng; đồng thời thống nhất với khách hàng về phòng kiểm nghiệm thực hiện thử nghiệm mẫu điển hình.

4.3.2. TTV6 thông báo dự kiến kế hoạch đánh giá và đoàn chuyên gia đánh giá đến khách hàng đăng ký chứng nhận để khách hàng xem xét.

4.3.3. Sau khi khách hàng chấp thuận các dự kiến, TTV6 sẽ thông báo chính thức thành phần đoàn chuyên gia đánh giá, kế hoạch đánh giá và các yêu cầu cần thiết khác đến khách hàng.

4.4. Đánh giá

Tuỳ theo phương thức đánh giá chứng nhận, quá trình đánh giá có thể chia ra làm hai giai đoạn gồm đánh giá sơ bộ và đánh giá chính thức.

4.4.1. Đánh giá sơ bộ (chỉ áp dụng đối với phương thức đánh giá 3, 4 hoặc 5)

a. Mục đích đánh giá sơ bộ là nhằm xem xét sự thích hợp, đầy đủ của hệ thống quản lý đảm bảo cho sự ổn định của chất lượng sản phẩm. TTV6 thực hiện thông qua việc xem xét đánh giá các tài liệu nhận được từ khách hàng và xem xét các điều kiện để triển khai áp dụng hệ thống tài liệu đó tại địa điểm sản xuất của khách hàng (khi cần thiết).

b. Báo cáo đánh giá sơ bộ được gửi đến khách hàng để khắc phục trước khi đánh giá chính thức.

4.4.2. Đánh giá chính thức

a. Hoạt động đánh giá chính thức bao gồm đánh giá hệ thống quản lý chất lượng (chỉ áp dụng đối với phương thức đánh giá 3, 4 hoặc 5) và lấy mẫu, thử nghiệm mẫu điển hình.

b. TTV6 sẽ xem xét không đánh giá chi tiết hệ thống quản lý chất lượng của khách hàng đã được chứng nhận ISO 9001, ISO 22000 hoặc HACCP từ các tổ chức chứng nhận có thỏa thuận thừa nhận kết quả đánh giá lẫn nhau với TTV6. Trong trường hợp này, đoàn chuyên gia đánh giá chỉ tập trung vào đánh giá quá trình kiểm soát chất lượng sản phẩm.

c. Khi đánh giá hệ thống quản lý chất lượng (đánh giá quá trình sản xuất), các chuyên gia đánh giá sử dụng các phương pháp và kỹ năng cần thiết để thu thập bằng chứng đánh giá nhằm khẳng định tính hiệu lực và sự phù hợp của hệ thống quản lý chất lượng so với các yêu cầu của tiêu chuẩn mà khách hàng áp dụng để đảm bảo duy trì sự ổn định của sản phẩm và các yêu cầu bắt buộc của pháp luật. Kết quả thu được trong quá trình đánh giá sẽ được thảo luận trong đoàn chuyên gia đánh giá, viết thành báo cáo, thông báo và giải thích trong cuộc họp kết thúc cho khách hàng. Khách hàng được thông báo về trách nhiệm đối với việc khắc phục tất cả các điểm không phù hợp do đoàn chuyên gia đánh giá đưa ra (nếu có).

d. Hoạt động lấy mẫu và thử nghiệm mẫu điển hình được thực hiện theo Quy định riêng của TTV6. Các Quy định riêng được TTV6 xây dựng hoàn toàn phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn mà khách hàng đăng ký chứng nhận. Mẫu điển hình được thử nghiệm tại nơi lấy mẫu hoặc/và tại phòng kiểm nghiệm đã được TTV6 thống nhất trước với khách hàng.

4.5. Báo cáo đánh giá

4.5.1. Kết thúc quá trình đánh giá, đoàn chuyên gia đánh giá lập báo cáo đánh giá để gửi cho khách hàng và gửi về TTV6 để thẩm xét và quyết định chứng nhận.

4.5.2. Trong trường hợp đánh giá theo phương thức 3, 4 hoặc 5, nếu hệ

thông quản lý chất lượng có những điểm không phù hợp và/hoặc kết quả thử nghiệm mẫu điển hình không đạt, khách hàng phải thực hiện các biện pháp khắc phục trong thời gian xác định theo yêu cầu của đoàn chuyên gia đánh giá. Sau khi thực hiện các biện pháp khắc phục trong thời hạn đã định, khách hàng thông báo bằng văn bản đến TTV6 để xem xét, tiến hành đánh bổ sung nhằm thẩm tra, xác nhận hiệu quả của việc khắc phục của khách hàng (nếu cần) và lấy lại mẫu điển hình để thử nghiệm.

4.5.3. Nếu khách hàng không tuân thủ việc thực hiện hành động khắc phục, đánh giá bổ sung và lấy mẫu điển hình lại, TTV6 xem như khách hàng tự ý huỷ bỏ yêu cầu chứng nhận.

4.6. Quyết định chứng nhận

4.6.1. TTV6 tiến hành thẩm xét hồ sơ đánh giá để đảm bảo rằng các hoạt động đánh giá đã diễn ra theo đúng yêu cầu, đúng thủ tục. Đồng thời, nếu có các điểm không phù hợp hoặc kết quả thử nghiệm mẫu điển hình không đạt thì các điểm không phù hợp và nguyên nhân mẫu điển hình không đạt đều đã được khách hàng khắc phục một cách kịp thời, thích hợp.

4.6.2. Giấy chứng nhận được cấp không bao hàm cho toàn bộ sản phẩm của khách hàng mà chỉ có giá trị đối với các sản phẩm cụ thể đã ghi trong giấy chứng nhận.

4.6.3. Giấy chứng nhận cấp cho khách hàng có hiệu lực tối đa không quá 03 (ba) năm kể từ ngày cấp với điều kiện khách hàng tuân thủ các yêu cầu của Quy định này.

5. Đánh giá giám sát (chỉ áp dụng đối với phương thức đánh giá 3, 4 hoặc 5)

5.1. Trong thời gian hiệu lực chứng nhận, TTV6 sẽ tiến hành đánh giá giám sát việc duy trì sự phù hợp của hệ thống và sản phẩm được chứng nhận so với các yêu cầu chứng nhận. Đánh giá giám sát được tiến hành theo định kỳ không quá 12 (mười hai) tháng/lần tùy theo loại sản phẩm kể từ ngày đầu của hiệu lực chứng nhận.

5.2. Nội dung đánh giá giám sát tùy thuộc vào hệ thống quản lý chất lượng và sản phẩm được chứng nhận theo nguyên tắc: các lần giám sát sẽ đánh giá một phần các yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng liên quan sản phẩm chứng nhận và thử nghiệm mẫu sản phẩm lấy tại nơi sản xuất, trên thị trường (tùy theo phương thức đánh giá chứng nhận).

5.3. Nội dung cụ thể của từng lần đánh giá giám sát sẽ được TTV6 thông báo cho khách hàng trong kế hoạch đánh giá giám sát.

5.4. Quá trình đánh giá được thực hiện tương tự cuộc đánh giá chứng nhận ban đầu quy định tại mục 4.4.2 của Quy định này.

5.5. Khách hàng được chứng nhận phải khắc phục các điểm không phù hợp trong thời gian 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày đánh giá giám sát. Khi không thực hiện sẽ bị xem xét đình chỉ hoặc huỷ bỏ chứng nhận (quy định Mục 10 và Mục 11 của Quy định này).

6. Đánh giá đột xuất

TTV6 có thể cần tiến hành đánh giá đột xuất khách hàng được chứng nhận để

xem xét các khiếu nại, các thay đổi của khách hàng (nêu tại mục 14.6) hoặc giám sát khách hàng bị đình chỉ chứng nhận.

7. Đánh giá chứng nhận lại (áp dụng đối với phương thức đánh giá 3, 4 hoặc 5)

7.1. Hai tháng trước khi hết hiệu lực chứng nhận, TTV6 sẽ thông báo đề khách hàng tiến hành các thủ tục đăng ký đánh giá, cấp lại giấy chứng nhận mới.

7.2. Việc đánh giá lại sẽ được tiến hành theo các bước như đối với đánh giá lần đầu. Giấy chứng nhận cấp lại có giá trị không quá 03 (ba) năm tiếp theo.

8. Mở rộng phạm vi chứng nhận (áp dụng đối với phương thức đánh giá 3, 4 hoặc 5)

8.1. Phạm vi chứng nhận được xác định bởi kiểu hoặc loại sản phẩm được sản xuất cùng quy trình công nghệ tại các địa điểm sản xuất xác định và theo cùng một tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn ghi trên Giấy chứng nhận.

8.2. Sau khi được chứng nhận, khách hàng có thể yêu cầu mở rộng phạm vi chứng nhận vào bất cứ thời gian nào.

8.3. Quá trình đánh giá mở rộng phạm vi chứng nhận có thể được thực hiện trong các cuộc đánh giá giám sát hoặc một cuộc đánh giá độc lập theo yêu cầu của khách hàng.

9. Thu hẹp phạm vi chứng nhận (áp dụng với phương thức đánh giá 3, 4 hoặc 5)

Phạm vi chứng nhận có thể bị thu hẹp nếu kết quả đánh giá cho thấy khách hàng không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chứng nhận đối với phạm vi đã đăng ký hoặc đã được chứng nhận.

10. Đình chỉ chứng nhận

10.1. TTV6 sẽ đình chỉ tạm thời Giấy chứng nhận nhưng không quá 06 (sáu) tháng trong các trường hợp sau đây:

10.1.1. Hệ thống quản lý chất lượng nhằm duy trì ổn định chất lượng sản phẩm được chứng nhận có sự không phù hợp nặng.

10.1.2. Sản phẩm được chứng nhận không phù hợp với các tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn tương ứng nhưng chưa đến mức phải hủy bỏ chứng nhận.

10.1.3. Khách hàng vi phạm Quy định nguyên tắc, điều kiện chứng nhận, xin hoãn đánh giá giám sát 2 lần liên tiếp không có lý do chính đáng.

10.1.4. Khách hàng sử dụng sai mục đích Giấy chứng nhận hoặc Dấu hiệu chứng nhận.

10.1.5. Khách hàng không thực hiện các yêu cầu về hành động khắc phục được chấp nhận trong đúng thời gian quy định.

Các trường hợp khác như có những hành vi làm ảnh hưởng xấu tới hoạt động chứng nhận sẽ do Giám đốc TTV6 xem xét, quyết định.

10.2. TTV6 sẽ thông báo chính thức bằng văn bản về việc đình chỉ chứng nhận và yêu cầu khách hàng thực hiện các biện pháp khắc phục.

10.3. Sau thời hạn đình chỉ chứng nhận, TTV6 sẽ:

10.3.1. Quyết định và thông báo cho khách hàng được tiếp tục duy trì chứng

nhận nếu khách hàng thực hiện được các biện pháp khắc phục đã nêu, hoặc

10.3.2. Hủy bỏ chứng nhận nếu khách hàng không thực hiện các biện pháp khắc phục.

11. Hủy bỏ chứng nhận

11.1. TTV6 sẽ hủy bỏ hiệu lực của Giấy chứng nhận chất lượng trong các trường hợp sau:

11.1.1. Sản phẩm được chứng nhận vi phạm nghiêm trọng các quy định trong tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn áp dụng dẫn đến mất ATTP.

11.1.2. Khách hàng ngừng sản xuất sản phẩm được chứng nhận quá 01 (một) năm.

11.1.3. Khách hàng không thực hiện đầy đủ các biện pháp khắc phục các lỗi bị đình chỉ hoặc không có văn bản giải trình về biện pháp khắc phục sẽ được tiến hành sau thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được quyết định đình chỉ tạm thời.

11.1.4. Khách hàng không duy trì hệ thống quản lý ATTP để đảm bảo sự ổn định của chất lượng sản phẩm đã được chứng nhận.

11.1.5. Theo đề nghị của khách hàng.

11.2. Quyết định hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận của TTV6 sẽ được thông báo cho khách hàng, các tổ chức liên quan và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

11.3. Khi Giấy chứng nhận hết hạn hoặc bị hủy bỏ, khách hàng phải:

11.3.1. Ngừng sử dụng Giấy chứng nhận và ngừng tuyên bố về chứng nhận của TTV6 trong các hoạt động có liên quan.

11.3.2. Ngừng sử dụng Dấu hiệu chứng nhận trên tất cả sản phẩm hoặc bao bì được sản xuất kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

11.3.3. Thực hiện các biện pháp cần thiết để loại bỏ Dấu hiệu chứng nhận trên sản phẩm hoặc bao bì của sản phẩm còn tồn kho hoặc đang lưu thông trên thị trường.

11.3.4. Ngừng mọi hình thức quảng cáo về việc được chứng nhận sản phẩm.

11.3.5. Hoàn trả Giấy chứng nhận cho TTV6.

12. Thay đổi yêu cầu chứng nhận

12.1. Khi có sự thay đổi về tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hay thủ tục chứng nhận, TTV6 sẽ thông báo cho khách hàng những thay đổi đó và đồng thời quy định một thời gian hợp lý để khách hàng có thể điều chỉnh các quá trình, các thủ tục cho phù hợp với các yêu cầu đã thay đổi.

12.2. Nếu khách hàng không có khả năng đáp ứng được các thay đổi này, TTV6 có thể yêu cầu khách hàng ngừng sử dụng Giấy chứng nhận và Dấu hiệu chứng nhận cho đến khi khách hàng tiếp tục thỏa mãn các điều kiện, hoặc cho đến khi khiếu nại của khách hàng được giải quyết.

13. Giấy chứng nhận và Dấu hiệu chứng nhận

Sau khi được chứng nhận, khách hàng được cấp Giấy chứng nhận và Dấu

hiệu chứng nhận sản phẩm. Cách ghi, sử dụng Dấu hiệu chứng nhận được TTV6 nêu chi tiết trong văn bản hướng dẫn sử dụng Dấu hiệu chứng nhận của TTV6.

14. Trách nhiệm của khách hàng

14.1. Khách hàng yêu cầu chứng nhận phải lập hồ sơ đăng ký và phải đảm bảo thỏa mãn các điều kiện như đã nêu trong Mục 3 của Quy định này; đồng thời cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu, và tạo điều kiện cần thiết để Đoàn chuyên gia đánh giá thực hiện nhiệm vụ trong quá trình đánh giá.

14.2. Việc sử dụng Giấy chứng nhận và Dấu hiệu chứng nhận phải đảm bảo các điều kiện sau:

14.2.1. Không được sử dụng theo cách thức có thể làm mất uy tín của TTV6 và có bất kỳ một công bố sai lệch, hiểu nhầm, lừa dối nào liên quan đến sản phẩm được chứng nhận.

14.2.2. Không được sử dụng Giấy chứng nhận và Dấu hiệu chứng nhận theo cách có thể gây nên sự nhầm lẫn.

14.2.3. Tuân thủ các yêu cầu về chứng nhận của TTV6 khi giới thiệu sản phẩm của khách hàng trên các phương tiện thông tin, quảng cáo.

14.3. Khách hàng có sản phẩm được chứng nhận không được chuyển nhượng Giấy chứng nhận và Dấu hiệu chứng nhận cho một cơ sở sản xuất hoặc một pháp nhân khác.

14.4. Khách hàng có sản phẩm được chứng nhận phải đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc sản phẩm phù hợp với các yêu cầu đã nêu trong tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn áp dụng và duy trì các điều kiện đảm bảo chất lượng phù hợp với các yêu cầu quy định.

14.5. Việc sản phẩm của khách hàng được TTV6 chứng nhận không có nghĩa TTV6 chịu trách nhiệm đảm bảo sản phẩm của khách hàng được chứng nhận phù hợp với các yêu cầu đã nêu trong tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn áp dụng.

14.6. Khách hàng phải thông báo bằng văn bản cho TTV6 về các thay đổi (nếu có) đối với sản phẩm, quá trình sản xuất hoặc các điều kiện đảm bảo chất lượng có thể ảnh hưởng đến sự phù hợp của sản phẩm.

14.7. Khách hàng đã được chứng nhận phải:

14.7.1. Lưu giữ toàn bộ các ý kiến phản ánh, khiếu nại liên quan đến sản phẩm được chứng nhận và phải sẵn sàng cung cấp cho TTV6 khi được yêu cầu.

14.7.2. Tiến hành các biện pháp thích hợp để xử lý các khiếu nại đối với sản phẩm liên quan đến các yêu cầu chứng nhận.

14.7.3. Lập hồ sơ các biện pháp khắc phục đã tiến hành và kết quả thực hiện.

15. Quyền của khách hàng được chứng nhận

Khách hàng có sản phẩm được cấp chứng nhận có các quyền lợi sau:

15.1. Được quyền quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

15.2. Được sử dụng Dấu hiệu chứng nhận trên sản phẩm hoặc bao bì của sản phẩm đã được chứng nhận.

15.3. Được sử dụng Giấy chứng nhận cho các tài liệu kỹ thuật, đấu thầu.

15.4. Được sử dụng kết quả chứng nhận để công bố chất lượng hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn theo yêu cầu của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá và Luật An toàn thực phẩm.

15.5. Được TTV6 công bố trong “Danh sách khách hàng được chứng nhận” và trên các phương tiện thông tin khác.

16. Bảo mật

TTV6 có trách nhiệm bảo mật thông tin và quyền lợi của khách hàng có yêu cầu chứng nhận. Các chuyên gia tham gia vào quá trình đánh giá của TTV6 đều phải ký cam kết bảo mật thông tin.

17. Chi phí

Khách hàng đăng ký chứng nhận trả chi phí đánh giá, chứng nhận, giám sát, thử nghiệm và các chi phí khác cho TTV6 theo thỏa thuận và quy định khác của Nhà nước.

18. Khiếu nại

Khách hàng muốn phản ánh hay khiếu nại về hoạt động đánh giá và chứng nhận sản phẩm có thể phản ánh hoặc gửi đơn khiếu nại cho TTV6. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận khiếu nại, TTV6 sẽ xem xét, xử lý và thông báo bằng văn bản đến khách hàng.